

Số: 43 /2012/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 06 tháng 8 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế hỗ trợ sau đầu tư đối với
doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh trên địa bàn Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND
ngày 03/12/2004,

Căn cứ Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ về trợ
giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011 của Chính phủ về tín
dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 35/2012/TT-BTC ngày 02/3/2012 của Bộ Tài chính về
hướng dẫn một số điều của Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011 của
Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh một số chỉ tiêu kế
hoạch năm 2012 được HĐND tỉnh thông qua ngày 12/7/2012 (điều chỉnh, bổ
sung Nghị quyết số 17/2011/NQ-HĐND ngày 08/12/2011);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số
284/TTr-SKHDT ngày 26/7/2012 về việc đề nghị ban hành Quy chế hỗ trợ sau
đầu tư đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Đồng Nai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thực hiện hỗ trợ sau
đầu tư đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Ủy thác cho Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai thực hiện nhiệm
vụ hỗ trợ sau đầu tư.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

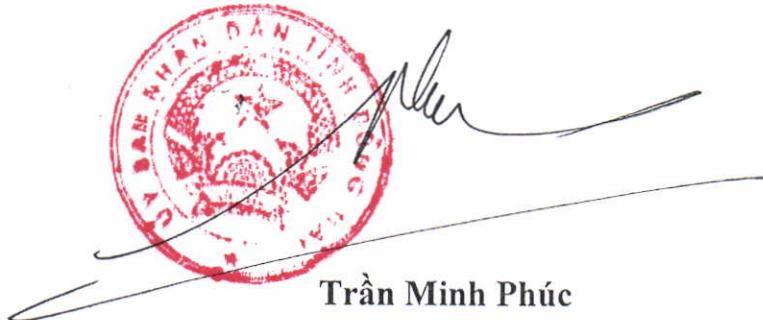
Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,
Sở Tài chính, Quỹ Đầu tư Phát triển, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Đồng Nai,
Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành
Quyết định này./.

Noi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ KH và ĐT;
- Bộ Tư pháp – Cục Kiểm tra văn bản;
- Thưởng trực Tỉnh ủy;
- Thưởng trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng ĐĐBQH&HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh – Phó Văn phòng;
- TT Công báo;
- Lưu: VT, TH, CNN, KT.

N.T.Phuong

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Minh Phúc

QUY CHẾ

Hỗ trợ sau đầu tư đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
(Ban hành kèm theo Quyết định số 43 /2012/QĐ-UBND ngày 06 /8 /2012
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thực hiện hỗ trợ sau đầu tư của ngân sách tỉnh ủy thác qua Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai cho các chủ đầu tư là các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có dự án đầu tư thuộc đối tượng hỗ trợ sau đầu tư tại Phụ lục kèm theo Quy chế này (Phụ lục 1).

Điều 2. Các dự án không thuộc đối tượng hỗ trợ sau đầu tư

Những dự án mà nguồn vốn hoạt động có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc đã được ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ tài chính (hỗ trợ lãi suất; giảm, xóa tiền lãi vay; cho vay với lãi suất bằng hoặc thấp hơn lãi suất vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước) dưới mọi hình thức.

Các dự án được Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh Đồng Nai thực hiện hỗ trợ sau đầu tư.

Dự án thay đổi chủ đầu tư (không phải chủ đầu tư tại quyết định phê duyệt dự án lần đầu).

Dự án vay vốn theo các chương trình mục tiêu sử dụng vốn nước ngoài của các tổ chức tín dụng khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chủ đầu tư: Là các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh có dự án thuộc đối tượng được hỗ trợ sau đầu tư.

2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa: Là doanh nghiệp được định nghĩa tại Điều 3 Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Việc xác định quy mô doanh nghiệp để hỗ trợ sau đầu tư theo quy chế này căn cứ vào quy mô tổng nguồn vốn (tổng nguồn vốn tương đương tổng tài sản được xác định trong bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp).

3. Hỗ trợ sau đầu tư (HTSĐT): Là việc ngân sách tỉnh cân đối vốn ủy thác qua Quỹ Đầu tư Phát triển để hỗ trợ một phần lãi suất sau đầu tư cho chủ đầu tư

vay vốn của tổ chức tín dụng để đầu tư dự án sau khi đã hoàn thành đưa vào sử dụng và trả được nợ vay.

4. Hợp đồng tín dụng (HĐTD): Là thỏa thuận bằng văn bản được ký kết giữa chủ đầu tư với tổ chức tín dụng để vay vốn đầu tư dự án.

5. Hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư (hợp đồng HTSĐT): Là thỏa thuận bằng văn bản được ký kết giữa Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai với chủ đầu tư về việc HTSĐT.

Điều 4. Nguồn vốn hỗ trợ sau đầu tư

Nguồn vốn hỗ trợ sau đầu tư đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng từ ngân sách tỉnh được bố trí kế hoạch hàng năm.

Chương II

NỘI DUNG HỖ TRỢ SAU ĐẦU TƯ

Điều 5. Điều kiện để được hỗ trợ sau đầu tư

1. Đối với chủ đầu tư

a) Là đơn vị trực tiếp vay vốn, sử dụng và quản lý vốn vay.

b) Các chủ đầu tư có dự án trong danh mục dự án được hỗ trợ sau đầu tư ban hành kèm theo Quy chế này.

2. Đối với dự án

a) Dự án được xác định thuộc đối tượng được hỗ trợ sau đầu tư tại thời điểm có Quyết định phê duyệt dự án lần đầu của cơ quan có thẩm quyền kể từ ngày 01/01/2012.

b) Dự án được đầu tư từ nguồn vốn vay tín dụng thương mại của các tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam thuộc đối tượng HTSĐT.

c) Được Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai thẩm định và ký hợp đồng HTSĐT.

d) Được bố trí kế hoạch HTSĐT trong kế hoạch hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

e) Dự án đã đưa vào sử dụng, có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đã được kiểm toán của cơ quan kiểm toán độc lập và đã trả được nợ vay.

Điều 6. Nguyên tắc xác định và mức hỗ trợ sau đầu tư

1. Nguyên tắc xác định mức hỗ trợ sau đầu tư cho một dự án

a) Mức HTSĐT được tính cho từng dự án và cấp cho chủ đầu tư sau khi đã trả nợ vay vốn đầu tư (nợ gốc) cho tổ chức tín dụng cho vay vốn. Căn cứ theo số vốn trả nợ của chủ đầu tư, Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai cấp hỗ trợ sau đầu tư cho chủ đầu tư tối đa mỗi quý một lần trong năm.

b) Mức HTSĐT được tính trên tổng số nợ gốc thực trả theo hợp đồng tín dụng đã ký với tổ chức tín dụng nhưng không vượt quá 70% tổng số vốn đầu tư tài sản cố định của dự án theo quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư của cấp có thẩm quyền.

c) Chi tính HTSĐT đối với số vốn vay của tổ chức tín dụng thanh toán cho đơn vị thụ hưởng bằng hình thức chuyển khoản.

d) Chỉ tính, cấp HTSĐT đối với các khoản trả nợ gốc đủ điều kiện phát sinh kể từ ngày Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai tiếp nhận đủ hồ sơ đề nghị HTSĐT theo quy định và phát sinh trong khoảng thời gian từ ngày 01/01 đến 31/12 trong năm thực hiện kế hoạch. Một số trường hợp các khoản trả nợ gốc trong năm thực hiện kế hoạch được chuyển sang cấp kế hoạch năm sau, Giám đốc Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai kiểm tra làm rõ nguyên nhân trình Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư Phát triển xem xét, quyết định.

e) Đối với các khoản nợ gốc trả nợ trước hạn, mức HTSĐT được tính theo thời hạn thực vay của khoản vay đó theo HĐTD đã ký.

g) Không tính HTSĐT đối với số vốn vay để: Đầu tư tài sản cố định không phù hợp với danh mục đầu tư tại dự án đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư (Quyết định phê duyệt dự án đầu tư lần đầu, quyết định phê duyệt dự án đầu tư điều chỉnh hoặc bổ sung) và quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành; nộp các khoản thuế; trả lãi vay; thanh toán cho các hợp đồng kinh tế ký trước ngày ký quyết định phê duyệt dự án đầu tư; thanh toán cho các chi phí không được đưa vào nguyên giá tài sản cố định; không tính HTSĐT đối với khoản giải ngân của tổ chức tín dụng sau ngày dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

h) Không tính, cấp HTSĐT đối với các khoản trả nợ gốc quá hạn, nợ gốc trả trong thời gian gia hạn nợ.

i) Không tính, cấp HTSĐT đối với các khoản nợ gốc trả cho khoản vay để đầu tư hạng mục, thiết bị ngừng hoạt động hoặc không còn sử dụng cho dự án được HTSĐT hoặc không thuộc quyền sở hữu của chủ đầu tư.

k) Đối với các dự án được khoanh nợ thì thời gian khoanh nợ không được tính vào thời hạn thực vay để tính HTSĐT.

2. Mức hỗ trợ sau đầu tư cho cả dự án

a) Tổng mức HTSĐT cho cả dự án bằng tổng mức HTSĐT hàng năm cho dự án; mức HTSĐT hàng năm bằng tổng mức HTSĐT cho từng lần trả nợ trong năm của dự án (Chi tiết quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy chế này).

b) Việc xác định mức HTSĐT đối với các dự án vay vốn bằng ngoại tệ được thực hiện theo nguyên tệ. Trên cơ sở đó, căn cứ vào tỷ giá giao dịch bình quân USD/VND trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng hoặc tỷ giá tính chéo cho các loại ngoại tệ/VND do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cấp tiền HTSĐT (thời điểm trình lãnh đạo Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai ký duyệt cấp tiền HTSĐT) để xác định mức HTSĐT bằng đồng Việt Nam cho dự án.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỖ TRỢ SAU ĐẦU TƯ

Điều 7. Kế hoạch và nguồn vốn hỗ trợ sau đầu tư

1. Kế hoạch hỗ trợ sau đầu tư: Vào tháng 7 hàng năm, theo quy định về lập kế hoạch ngân sách nhà nước, căn cứ các hợp đồng HTSĐT đã ký đến cuối năm trước năm kế hoạch và dự kiến số hợp đồng HTSĐT sẽ ký trong năm kế hoạch, Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai lập kế hoạch báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư Phát triển thông qua trước khi gửi Sở Tài chính để tổng hợp kế hoạch chi ngân sách năm sau trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt làm cơ sở cho Giám đốc Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai lập kế hoạch chi tiết HTSĐT trình Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư Phát triển quyết định giao kế hoạch năm.

2. Thông báo kế hoạch

a) Đối với các dự án chuyển tiếp: Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch HTSĐT được tinh giao, hợp đồng HTSĐT đã ký, nhu cầu HTSĐT của chủ đầu tư, Giám đốc Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai thông báo kế hoạch HTSĐT bằng văn bản cho các dự án (cụ thể danh mục và mức vốn HTSĐT của từng dự án).

b) Đối với dự án mới: Căn cứ kế hoạch HTSĐT tinh giao; hợp đồng HTSĐT đã ký; nhu cầu HTSĐT của chủ đầu tư dự án trong năm, Giám đốc Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai thông báo kế hoạch HTSĐT cho dự án.

Điều 8. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ sau đầu tư

Để được xem xét HTSĐT, chủ đầu tư gửi đến Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai 01 bộ hồ sơ đề nghị HTSĐT (gửi một lần cho đến khi chấm dứt hợp đồng HTSĐT) gồm:

1. Giấy đề nghị được HTSĐT (bản chính).
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao có chứng thực).
3. Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của người có thẩm quyền (bản chính hoặc bản sao có chứng thực) kèm theo tập hồ sơ dự án đầu tư.
4. Giấy chứng nhận đầu tư (đối với dự án thuộc diện đăng ký đầu tư, thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư) hoặc quyết định cho phép đầu tư của UBND tỉnh. Đối với dự án không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc cho phép đầu tư thì thay bằng văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư và thỏa thuận địa điểm (bản chính hoặc bản sao có chứng thực)
5. Hợp đồng kinh tế đối với các hạng mục được HTSĐT (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).
6. Hóa đơn theo quy định (đối với hạng mục thiết bị và xây lắp được HTSĐT); bộ chứng từ nhập khẩu (đối với thiết bị nhập khẩu được HTSĐT) (bản sao của chủ đầu tư).
7. Hợp đồng tín dụng (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

8. Bảng kê số vốn giải ngân của tổ chức tín dụng (bản chính).

9. Ủy nhiệm chi chuyển tiền của tổ chức tín dụng cho đơn vị thụ hưởng đối với các hạng mục được HTSĐT (bản sao của tổ chức tín dụng).

10. Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của người có thẩm quyền (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

11. Báo cáo kiểm toán dự án công trình hoàn thành của cơ quan kiểm toán độc lập (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

Bản sao các tài liệu trên có từ 02 tờ rời trở lên phải đóng dấu giáp lai. Trường hợp các tài liệu trên có sự thay đổi, chủ đầu tư phải gửi bổ sung đến Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai.

Điều 9. Thẩm định, thông báo hỗ trợ sau đầu tư

1. Giám đốc Quỹ Đầu tư Phát triển quy định cụ thể việc tổ chức thực hiện công tác thẩm định hỗ trợ sau đầu tư của Quỹ Đầu tư Phát triển.

2. Nội dung thẩm định

a) Thẩm định đối tượng, điều kiện HTSĐT.

b) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ; sự phù hợp về nội dung, số liệu, trình tự ban hành các tài liệu trong hồ sơ dự án HTSĐT.

c) Xác định mức HTSĐT theo quy định.

3. Thời gian xem xét giải quyết hỗ trợ sau đầu tư

Trong thời gian tối đa là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Quỹ Đầu tư Phát triển thông báo cho chủ đầu tư biết kết quả thẩm định hỗ trợ sau đầu tư. Trường hợp dự án không được chấp thuận hỗ trợ sau đầu tư thì phải nêu rõ lý do.

Điều 10. Ký kết hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư

Hợp đồng HTSĐT được ký kết giữa Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai và chủ đầu tư sau khi dự án được Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai thông báo chấp thuận cấp HTSĐT.

1. Hình thức của hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư: Được thể hiện bằng văn bản và theo mẫu thống nhất do Giám đốc Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai ký ban hành.

2. Nội dung của hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư phải phù hợp với các quy định của pháp luật, gồm các nội dung cơ bản sau:

- Các căn cứ để ký hợp đồng HTSĐT.

- Ngày tháng năm ký hợp đồng HTSĐT.

- Bên hỗ trợ: Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai, người đại diện, chức vụ, địa chỉ, điện thoại, fax, tài khoản giao dịch tại tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước (theo giấy ủy quyền - nếu có).

- Bên được hỗ trợ: Tên chủ đầu tư, người đại diện, chức vụ, địa chỉ, điện

thoại, fax, tài khoản giao dịch tại tổ chức tín dụng (theo giấy uỷ quyền - nếu có).

- Tên dự án đầu tư.
- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư; lĩnh vực đầu tư.
- Tổng mức đầu tư của dự án.
- Tổng số vốn đầu tư tài sản cố định của dự án.
- Tổng số vốn vay để đầu tư tài sản cố định theo HĐTD.
- Tổng số vốn đầu tư tài sản cố định theo quyết toán được duyệt.
- Tổng số vốn vay để đầu tư tài sản cố định được xem xét HTSĐT.
- Thời hạn vay theo hợp đồng tín dụng đã ký.
- Tổng số vốn vay thực tế giải ngân.
- Thời điểm giải ngân lần đầu.
- Thời hạn trả nợ, kỳ hạn trả nợ, thời điểm bắt đầu trả nợ, mức trả nợ.
- Đồng tiền vay và trả nợ ghi trong HĐTD.
- Tổng số tiền HTSĐT cho cả dự án; trong đó có chia ra theo kỳ hạn trả nợ hàng năm.
 - Thời hạn HTSĐT; thời hạn cấp HTSĐT.
 - Hiệu lực của hợp đồng HTSĐT.
 - Quyền và nghĩa vụ của các bên.
 - Các cam kết khác được các bên thoả thuận theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
 - Xử lý vi phạm hợp đồng, giải quyết tranh chấp.

Điều 11. Tiếp nhận và quyết toán nguồn vốn hỗ trợ sau đầu tư

1. Quỹ Đầu tư Phát triển được ngân sách tính cấp tiền hỗ trợ sau đầu tư hàng năm để thực hiện cấp hỗ trợ sau đầu tư cho chủ đầu tư các dự án theo hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư đã ký.

Hàng năm, căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước, Quỹ Đầu tư Phát triển tiếp nhận và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ sau đầu tư từ ngân sách nhà nước theo Quy chế huy động, tiếp nhận và quản lý các nguồn vốn của Quỹ Đầu tư Phát triển.

2. Quyết toán nguồn vốn hỗ trợ sau đầu tư

Hết năm ngân sách, Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai lập báo cáo quyết toán số tiền HTSĐT thực nhận, thực cấp và quyết toán với Sở Tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Cấp tiền hỗ trợ sau đầu tư

1. Hàng năm, Quỹ Đầu tư Phát triển thực hiện cấp tiền hỗ trợ sau đầu tư cho chủ đầu tư tối đa mỗi quý một lần tùy theo kết quả trả nợ cho tổ chức tín dụng của chủ đầu tư, kết thúc chậm nhất vào ngày 31/12.

2. Hồ sơ cấp tiền hỗ trợ sau đầu tư

Ngoài bộ hồ sơ đã gửi đến Quỹ Đầu tư Phát triển theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này, mỗi lần đề nghị cấp hỗ trợ sau đầu tư, chủ đầu tư gửi đến Quỹ Đầu tư Phát triển các tài liệu sau:

- a) Giấy đề nghị cấp tiền HTSĐT (bản chính).
- b) Bảng kê tình hình trả nợ gốc cho TCTD (bản chính).
- c) Chứng từ trả nợ gốc cho tổ chức tín dụng (bản sao của tổ chức tín dụng).

Các tài liệu trên có từ 02 tờ rời trở lên phải đóng dấu giáp lai.

3. Cấp tiền HTSĐT

Giám đốc Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai quy định cụ thể trình tự kiểm tra hồ sơ và thực hiện cấp HTSĐT.

Điều 13. Chấm dứt và thanh lý hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư

1. Hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư chấm dứt trong các trường hợp sau:

- a) Hết thời hạn HTSĐT ghi trong hợp đồng HTSĐT.
- b) Khi hai bên đã thực hiện đầy đủ các điều khoản ghi trong hợp đồng HTSĐT.
- c) Khi bên được HTSĐT không còn quản lý, sử dụng tài sản cố định hình thành từ vốn vay tổ chức tín dụng.
- d) Việc cấp tiền HTSĐT bị ngừng, bên được hỗ trợ đã hoàn trả đầy đủ số tiền bị thu hồi (nếu có).
- e) Không còn chính sách HTSĐT của tỉnh.
- g) Hợp đồng HTSĐT không tiếp tục thực hiện được theo quy định của pháp luật.
- h) Theo thoả thuận của hai bên.

2. Thanh lý hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư:

Khi hợp đồng HTSĐT chấm dứt, chủ đầu tư và Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai ký văn bản thanh lý hợp đồng, trường hợp chủ đầu tư không ký Biên bản thanh lý hợp đồng HTSĐT thì sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày hợp đồng chấm dứt, hợp đồng được coi đã thanh lý. Tuy nhiên, đối với những dự án này vẫn phải lập báo cáo quyết toán và thực hiện tất toán tài khoản theo đúng quy định.

Chương IV **TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 14. Trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ Đầu tư Phát triển

1. Trách nhiệm:

a) Thẩm định hồ sơ hỗ trợ sau đầu tư và quyết định việc hỗ trợ. Việc phân cấp quyết định hỗ trợ sau đầu tư đối với các dự án do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh quy định cụ thể.

b) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ sau đầu tư đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa đúng mục đích, đúng chế độ quy định và quyết toán với Sở Tài chính hàng năm.

c) Cấp tiền HTSĐT kịp thời, đầy đủ cho chủ đầu tư theo hợp đồng HTSĐT đã ký, trong phạm vi kế hoạch HTSĐT của tỉnh hàng năm và đề nghị của chủ đầu tư khi đã đủ điều kiện cấp HTSĐT.

d) Hướng dẫn cụ thể về thời hạn thực vay của dự án trên cơ sở hợp đồng tín dụng được ký kết giữa chủ đầu tư và tổ chức tín dụng, cụ thể:

- Thời hạn HTSĐT tối đa bằng thời hạn vay ghi trong hợp đồng tín dụng đã ký lần đầu. Thời hạn cấp HTSĐT được kéo dài một quý kể từ khi hết hạn vay ghi trong hợp đồng tín dụng đã ký lần đầu.

- Thời hạn HTSĐT được xác định cho các trường hợp: Số vốn giải ngân 01 lần được hoàn trả vào 01 lần; số vốn giải ngân 01 lần được hoàn trả vào nhiều lần; số vốn giải ngân nhiều lần được hoàn trả vào 01 lần; số vốn giải ngân nhiều lần được hoàn trả vào nhiều lần.

e) Lưu giữ, bảo quản hồ sơ đề nghị HTSĐT, hồ sơ cấp tiền HTSĐT theo quy định.

g) Thực hiện việc báo cáo và quyết toán vốn HTSĐT hàng năm với Sở Tài chính theo quy định.

2. Quyền hạn:

a) Kiểm tra hồ sơ dự án: Kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của các tài liệu tại hồ sơ đề nghị HTSĐT, hồ sơ cấp tiền HTSĐT do chủ đầu tư gửi đến Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Quy chế này; yêu cầu chủ đầu tư giải trình, bổ sung tài liệu để hoàn chỉnh hồ sơ HTSĐT (nếu có) theo quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật liên quan...

b) Kiểm tra tại địa điểm thực hiện dự án và đơn vị: Kiểm tra tình hình quản lý và sử dụng tài sản cố định hình thành từ vốn vay đang được HTSĐT, tình hình sản xuất kinh doanh của dự án HTSĐT.

c) Tùy theo từng trường hợp, Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai có quyền từ chối, tạm ngừng, ngừng cấp tiền HTSĐT, thu hồi số tiền HTSĐT đã cấp nếu phát hiện chủ đầu tư vi phạm hợp đồng HTSĐT đã ký hoặc quy định tại Quy chế này; chủ đầu tư mất khả năng thanh toán số nợ vay của tổ chức tín dụng; chủ đầu tư giải thể, phá sản hoặc ngừng hoạt động; chủ đầu tư không còn sở hữu tài sản cố định hình thành từ vốn vay đang được HTSĐT. Sau đó, Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư Phát triển về nội dung nói trên.

Điều 15. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ đầu tư

1. Trách nhiệm:

a) Sử dụng số tiền được HTSĐT theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế này.

b) Cung cấp đầy đủ hồ sơ tài liệu theo quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý của các tài liệu gửi đến Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai. Bổ sung, giải trình những vấn đề liên quan theo yêu cầu của Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai.

c) Thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng HTSĐT đã ký.

d) Tạo điều kiện để Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai thực hiện kiểm tra tại dự án; hoàn trả số tiền HTSĐT đã được cấp theo yêu cầu của Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai khi chủ đầu tư vi phạm hợp đồng HTSĐT hoặc quy định tại Quy chế này.

e) Thực hiện kịp thời quyết toán vốn HTSĐT với Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai khi thanh lý hợp đồng HTSĐT theo quy định.

2. Quyền hạn:

a) Được yêu cầu Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai cấp tiền HTSĐT khi đã đảm bảo các điều kiện theo quy định.

b) Từ chối yêu cầu của Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai không đúng với thỏa thuận tại hợp đồng HTSĐT đã ký và quy định tại Quy chế này.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc hỗ trợ sau đầu tư

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, tổng hợp các kiến nghị liên quan đến nội dung thực hiện hỗ trợ sau đầu tư trình UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

- Phối hợp với Sở Tài chính trong việc tổng hợp, cân đối kế hoạch vốn dành cho hỗ trợ sau đầu tư.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, cân đối nguồn vốn ngân sách dành cho hỗ trợ sau đầu tư hàng năm, thực hiện thanh quyết toán nguồn vốn hỗ trợ sau đầu tư đối với Quỹ Đầu tư Phát triển.

- Phối hợp, đề xuất xử lý các kiến nghị liên quan trong quá trình thực hiện hỗ trợ sau đầu tư.

3. Các đơn vị khác liên quan

Phối hợp thực hiện hỗ trợ sau đầu tư và tham gia đề xuất xử lý các nội dung liên quan.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 17. Chế độ hạch toán kế toán

Việc hạch toán, theo dõi các khoản hỗ trợ sau đầu tư cho các dự án được thực hiện theo đúng các quy định về chế độ kế toán của Quỹ Đầu tư Phát triển được Sở Tài chính chấp thuận.

Điều 18. Chế độ thanh tra, kiểm tra, báo cáo

1. Trước khi ký hợp đồng HTSĐT và định kỳ trước mỗi lần xin nguồn cấp HTSĐT, Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai tiến hành kiểm tra tại dự án được HTSĐT và đối chiếu với hồ sơ dự án lưu tại đơn vị (thẻ tài sản, sổ theo dõi tài sản cố định được HTSĐT).

Ngoài ra, tùy theo từng trường hợp Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai có thể kiểm tra đột xuất dự án được HTSĐT.

2. Việc cấp tiền HTSĐT chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, Quỹ Đầu tư Phát triển và đơn vị liên quan có trách nhiệm phản ánh kịp thời để Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư Phát triển nghiên cứu, đề nghị UBND tỉnh bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Minh Phúc

Phụ lục 1
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC HỖ TRỢ SAU ĐẦU TƯ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2012/QĐ-UBND ngày 26/8/2012 của UBND tỉnh)

1. Công nghiệp

- Đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị đảm bảo hiện đại, nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Đầu tư sản xuất công nghiệp hỗ trợ theo danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển quy định tại Quyết định số 1483/2011/QĐ-TTg ngày 26/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển.

2. Nông nghiệp và công nghiệp chế biến

- Dự án nuôi, trồng thủy, hải sản gắn với chế biến công nghiệp.
- Dự án chăn nuôi gia súc, gia cầm gắn với chế biến công nghiệp.
- Dự án bảo quản nông sản sau thu hoạch.
- Dự án ứng dụng công nghệ sinh học.
- Nhà máy chế biến thịt gia súc, gia cầm.
- Các dự án chế biến nông sản: Cà phê, đậu nành, trái cây...

3. Hạ tầng kỹ thuật

- Dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt.
 - Dự án đầu tư xây dựng công trình xử lý nước thải, rác thải tại các khu đô thị, khu công nghiệp, bệnh viện và các cụm công nghiệp, làng nghề.
 - Dự án hạ tầng khu công nghiệp, phân khu công nghiệp hỗ trợ, hạ tầng cụm công nghiệp, hạ tầng làng nghề, hạ tầng khu công nông nghiệp.
 - Đầu tư cầu, đường giao thông.
 - Đầu tư phương tiện vận tải khách công cộng.
- Xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại: Siêu thị, trung tâm thương mại, chợ nông thôn, kho, trung tâm logistics.
- Xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp - nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh, phục vụ đời sống cộng đồng nông thôn.
- Xây dựng khu triển lãm giới thiệu sản phẩm tại vùng nông thôn.

4. Các lĩnh vực khác

- Dự án xây dựng nhà ở cho sinh viên thuê, dự án nhà ở cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp thuê, dự án nhà ở cho người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng thuộc lĩnh vực xã hội hóa: Giáo dục đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

- Dịch vụ kỹ thuật trồng cây công nghiệp, cây lâm nghiệp; dịch vụ bảo vệ cây trồng, vật nuôi.

- Dịch vụ tư vấn khoa học, kỹ thuật về gieo trồng, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, thú y, bảo vệ thực vật.

- Dịch vụ vệ sinh phòng, chống dịch bệnh ở vùng nông thôn.

- Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm văn hóa, dân tộc truyền thống.

- Sản xuất thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu bệnh, thuốc phòng, chữa bệnh cho động vật, thủy sản, thuốc thú y.

Phụ lục 2
CÔNG THỨC XÁC ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ SAU ĐẦU TƯ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 143/2012/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 của UBND tỉnh)

1. Mức hỗ trợ sau đầu tư cho từng lần trả nợ trong năm được tính theo công thức:

$$\begin{array}{c} \text{Số nợ gốc} \\ \text{Mức} \\ \text{HTSĐT} \\ \text{cho từng} \\ \text{lần trả nợ} \\ = \end{array} \begin{array}{c} \text{thực trả} \\ \text{từng lần} \\ \text{trả nợ} \\ \text{được tính} \\ \text{HTSĐT} \end{array} \times \begin{array}{c} \text{Mức chênh lệch} \\ \text{lãi suất được} \\ \text{tính HTSĐT} \end{array} \times \begin{array}{c} \text{Thời hạn thực vay} \\ \text{(quy đổi theo năm)} \\ \text{của số nợ gốc thực} \\ \text{trả được HTSĐT} \end{array}$$

Công thức này áp dụng chung cho việc tính toán mức HTSĐT đối với số vốn vay và số trả nợ gốc cho tổ chức tín dụng bằng đồng Việt Nam.

2. Cách xác định các yếu tố tính mức hỗ trợ sau đầu tư

a) Số nợ gốc thực trả từng lần trả nợ được tính HTSĐT: Xác định theo số nợ gốc thực trả đủ điều kiện của từng lần trả nợ.

b) Dự án được hưởng mức HTSĐT theo từng lần trả nợ của chủ đầu tư cho tổ chức tín dụng và theo mức chênh lệch lãi suất do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm trả nợ của chủ đầu tư.

- Tại thời điểm thông báo HTSĐT, Quỹ đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai căn cứ vào mức chênh lệch lãi suất do Bộ Tài chính công bố để xác định mức HTSĐT cho cả dự án.

- Tại thời điểm cấp tiền, Quỹ đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai căn cứ vào mức chênh lệch lãi suất do Bộ Tài chính công bố để xác định mức HTSĐT, đảm bảo tổng số tiền HTSĐT cho cả dự án không vượt quá tổng số tiền HTSĐT cho cả dự án ghi tại thông báo HTSĐT (hợp đồng HTSĐT; hợp đồng HTSĐT sửa đổi, bổ sung đã ký).

c) Thời hạn thực vay để tính HTSĐT là khoảng thời gian (được quy đổi theo năm) từ ngày, tháng, năm chủ đầu tư nhận vốn vay (ghi trên chứng từ nhận nợ) đến ngày, tháng, năm nợ gốc trong hạn được trả (ghi trên chứng từ trả nợ) cho tổ chức tín dụng theo HĐTD hoặc phụ lục HĐTD sửa đổi, bổ sung.

Nguyên tắc xác định: Việc xác định thời hạn thực vay để tính HTSĐT được căn cứ vào thời điểm nhận vốn vay ghi trên chứng từ nhận nợ và thời điểm trả nợ gốc ghi trên chứng từ trả nợ giữa chủ đầu tư và tổ chức tín dụng. Lấy thời điểm trả nợ kỳ đầu tiên của khoản nợ gốc trong hạn so với thời điểm giải ngân

số vốn vay lần đầu để tính số ngày thực vay của số nợ gốc trả lần đầu và trên cơ sở đó tính lùi để xác định số ngày thực vay của số nợ gốc trả các lần tiếp theo (số ngày quy đổi theo năm).

Trường hợp ngày nhận nợ vay không trùng với ngày thanh toán cho đơn vị thụ hưởng thì thời gian thực vay để tính HTSĐT là khoảng thời gian (được quy đổi theo năm) từ ngày, tháng, năm tổ chức tín dụng chuyển tiền thanh toán cho đơn vị thụ hưởng (ghi trên ủy nhiệm chi chuyển tiền) đến ngày, tháng, năm nợ gốc trong hạn được trả (ghi trên chứng từ trả nợ) cho tổ chức tín dụng theo HĐTD hoặc phụ lục HĐTD sửa đổi, bổ sung.